

Số: 836/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 07 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 951/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Người yêu cầu: Anh Lê Viết Nhật H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 9 đường Th, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Người yêu cầu: Chị Phan Thị Minh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: LKV 3-4 khu đô thị R, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Huế vào ngày 12/12/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên cùng tự nguyện thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T có 01 con chung: Cháu Lê Gia B, sinh ngày 30/5/2015. Hai bên thỏa thuận giao cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai số 0001257 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh Tâm.

- Về con chung: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T có 01 con chung: Cháu Lê Gia B, sinh ngày 30/5/2015. Hai bên thỏa thuận giao cháu B cho chị Tâm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Viết Nhật H và chị Phan Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai số 0001257 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường N, TP Huế
(ĐKKH số 98, ngày 12/12/2012);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú